

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 952/2026/DS-PT

Ngày: 07 - 8 - 2026

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Tuyết Mai.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan;
Bà Nguyễn Thị Trang Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Sơn Cươl - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2026 tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 967/2026/TLPT-DS ngày 19 tháng 6 năm 2026 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 120/2026/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1151/2026/QĐ-PT ngày 29 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1100/2026/QĐ-PT ngày 27 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Quốc H, sinh năm 1991; địa chỉ: Số nhà C đường T, phường P, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- Bị đơn:

1. Ông Trần Q, sinh năm 1978; (có mặt)

2. Bà Thạch Thị Xuân M, sinh năm 1977; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà E ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ.

Người kháng cáo: Ông Phạm Quốc H là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2025 (Bút lục 01) cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Phạm Quốc H trình bày:

Vào ngày 01/11/2023, anh H với ông Trần Q và bà Thạch Thị Xuân M đã

giao kết với nhau hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng không được lập thành văn bản nhưng được ông Q và bà M ký tên giấy Biên nhận mượn tiền. Theo Hợp đồng, anh H cho ông Q với bà M vay số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) để chuyển nhượng quyền sử dụng đất, lãi suất vay là 5%/tháng, thời hạn vay 07 ngày.

Thực hiện Hợp đồng trên, anh H đã giao và ông Q với bà M đã nhận đủ tiền vay. Tuy nhiên, hết thời hạn vay thì ông Q với bà M không trả nợ; nhiều lần anh H yêu cầu, ông Q với bà M trả nợ được vài lần và tiếp tục không trả nợ từ ngày 26/7/2024, hiện còn nợ anh H số tiền 208.000.000 đồng (Hai trăm linh tám triệu đồng). Ngoài ra, ông Q còn vay của anh H số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) vào ngày 15/9/2024, thời hạn vay 01 tháng nhưng cũng không trả nợ nên anh H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc ông Trần Q với bà Thạch Thị Xuân M có nghĩa vụ trả nợ số tiền vốn là 208.000.000 đồng, tiền lãi với lãi suất 1,66%/tháng và chỉ làm tròn đến ngày 30/3/2026 là 69.000.000 đồng; tổng cộng, tiền vốn và lãi là 277.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi bảy triệu đồng). Tiếp tục phải trả lãi kể từ ngày 31/3/2026.

Buộc ông Trần Q có nghĩa vụ trả nợ số tiền vốn vay là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), không yêu cầu trả tiền lãi.

Tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp là: Bản sao Căn cước công dân của anh H; 02 Biên nhận mượn tiền ngày 01/11/2023; bản Scanner Tờ cam kết ngày 15/9/2024; Đơn yêu cầu không hòa giải theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Đơn yêu cầu hỗ trợ gửi bản sao tài liệu, chứng cứ (Bút lục 03-08); Đơn cung cấp đoạn file ghi âm đề ngày 18/12/2025 kèm theo 01 chiếc USB hiệu HP; Đơn yêu cầu không tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt (Bút lục 51-57).

- *Tại Tờ tường trình ngày 23/6/2025 (Bút lục 23), Biên bản lấy lời khai ngày 28/02/2026 (Bút lục 101) và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Trần Q với bà Thạch Thị Xuân M cùng trình bày:*

Ông Q với bà M đều đang độc thân, chỉ là bạn bè thân thiết. Giữa ông Q với anh H không quen biết nhau, giữa bà M với anh H thì có thời gian dài hợp tác; anh H chuyên cho vay, bà M làm môi giới và được anh H trả tiền phí. Vì vậy, bà M hỏi vay của anh H 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) vào tháng 7/2023, với điều kiện phải xác lập hợp đồng giả cách về chuyển nhượng quyền sử dụng đất để bảo đảm; đôi bên đã tiến hành ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng C vào ngày 25/7/2023. Sau khi ký Hợp đồng chuyển nhượng này, anh H cho bà M vay 300.000.000 đồng, lãi suất 15.000.000 đồng/tháng (Mười lăm triệu đồng một tháng); tuy nhiên, anh H chỉ giao cho bà M số tiền 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) với lý do trừ trước tiền lãi của 02 (Hai) tháng, sẽ căn trừ khi trả hết nợ. Việc giao nhận tiền vay, được thực hiện trực tiếp bằng tiền mặt.

Sau khi vay, bà M trả lãi của tháng 8/2023 đúng thỏa thuận là 15 triệu đồng; đến tháng 9/2023, do cháu nội của bà M nằm viện nên bà M chỉ trả lãi được 10 triệu đồng; tiếp đến tháng 10/2023, cũng do mẹ cùng với con và cháu của bà M bị bệnh nên không có tiền trả lãi cho anh H, lúc này bà M mới nhờ ông Q chở đến nhà anh H để vay 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); mục đích vay 50 triệu này để trả tiền lãi cho anh H và chi tiêu cho gia đình; anh H đã đồng ý cho bà M vay thêm 50 triệu đồng và chuyển khoản cho bà M 25 triệu vì trừ vào tiền lãi còn thiếu của tháng 9/2023 là 05 triệu, tiền lãi của tháng 10/2023 là 15 triệu và 05 triệu tiền lãi lấy trước của 50 triệu vay lần này.

Do chở bà M đi vay tiền và bị trừ như trên, ông Q thấy bà M vay lãi như vậy là quá cao nên bàn với bà M hủy Hợp đồng chuyển nhượng với anh H, lấy Giấy chứng nhận về sang tên cho ông Q để ông Q đứng vay ngân hàng nhằm giảm lãi suất. Vì vậy, bà M với ông Q đã gặp anh H đề nghị hủy Hợp đồng, anh H đồng ý hủy với điều kiện phải nhận nợ số tiền lãi là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và ông Q phải thế chấp Thẻ đảng viên; bà M với ông Q buộc phải đồng ý nên anh H mới lập giấy Biên nhận mới, ghi chung số tiền nợ là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) bao gồm 300 triệu vay lần đầu, 50 triệu vay lần thứ hai và 100 triệu tiền lãi để hủy Hợp đồng; ông Q còn được anh H giới thiệu là Luật sư, yêu cầu ký tên để mang ý nghĩa bảo đảm cho bà M lấy lại Giấy chứng nhận mà anh H đang giữ.

Sau khi ông Q và bà M ký nhận nợ 450 triệu, bà M với anh H đã tiến hành hủy Hợp đồng chuyển nhượng tại Văn phòng C. Khoảng 01 tuần sau hủy, bà M đã ký chuyển nhượng lại cho ông Q; sau đó, ông Q dùng Giấy chứng nhận này để thế chấp vay 300 triệu đồng tại Ngân hàng K, được nhận 292 triệu sau khi trừ đi 08 triệu mua bảo hiểm tại Ngân hàng. Từ khi hủy Hợp đồng, anh H thường xuyên kèm sát, luôn luôn hỏi thúc và nắm rõ tiến độ làm thủ tục. Do đó, ngay trong ngày Ngân hàng giải ngân, anh H điện thoại liên tục cho ông Q yêu cầu không được mang tiền vay về nhà mà phải trả anh H liền số tiền 292 triệu. Lúc đầu, anh H yêu cầu ông Q mang tiền đưa cho một người tại Ngân hàng K nhưng ông Q chỉ đồng ý đưa trực tiếp cho anh H, anh H hẹn ông Q mang tiền đến quán Café 136 gần nhà anh H; tuy nhiên, khi ông Q ngồi uống hết ly café thì anh H mới gọi điện kêu ông Q đưa tiền cho người em của anh H đến nhận; ông Q không yên tâm nên yêu cầu người nhận gọi Z video cho anh H để cả ba xác nhận người, xác nhận luôn cả số tiền. Sau khi nhận 292 triệu đồng, ngay hôm sau bà M đến nhà anh H chốt nợ; anh H tính toán và đưa cho bà M ký giấy Biên nhận nợ 158.000.000 đồng, bà M đã ký và anh H giữ Giấy này.

Sau khi chốt nợ, tháng 01/2024 bà M làm môi giới và được anh H cho 6,5 triệu nên bù thêm 8,5 triệu để trả cho anh H thành 15 triệu; tháng 02/2024, bà M được tiền môi giới 05 triệu, bù thêm 05 triệu để trả anh H thành 10 triệu; tháng 3/2024, bà M được cho 1,5 triệu tiền môi giới và lại bù thêm 8,5 triệu để trả thành 10 triệu; tháng 4/2024, bà M được cho 6,5 triệu nên bù thêm 3,5 triệu trả anh H thành 10 triệu; tháng 5/2024, bà Mai B không đi kiếm được khách nên chỉ trả cho anh H 06 triệu đồng, anh H bức tức nên ngày 28/5/2024 đã gửi đơn thưa

đến Trường học nơi ông Q công tác, vì vậy tháng 6/2024 bà M không trả nợ; tháng 7/2024, Đảng ủy Trường học thông báo đổi thẻ đảng nên ông Q với bà M gặp anh H xin trả để đổi, anh H yêu cầu phải trả 50 triệu đồng và thế chấp Sổ Bảo hiểm xã hội của ông Q mới rút đơn thừa ở trường và cho lấy lại Thẻ đảng viên; do sợ ông Q bị kỷ luật, bà M phải nhờ em gái vay của Công ty F1 và của người khác để trả anh H 50 triệu đồng, lấy lại Thẻ đảng viên; tháng 8/2024, bà M bị tai nạn giao thông nên không trả nợ; tháng 9/2024, em của ông Q bị tai nạn lao động nên ông Q hỏi vay 10 triệu đồng, ông Q phải cho anh H xem hình bàn tay bị đứt của người em và thế chấp lại Thẻ đảng viên sau khi đổi thì anh H mới cho mượn 10 triệu không tính lãi, tuy nhiên sau này anh H vẫn tính lãi và nhận lại tổng cộng 16.800.000 đồng.

Do tháng 8 và tháng 9/2024 bà M không trả nợ, anh H đe dọa bà M và hằn học nói cấm bà M đến nhà, cấm cả ông Q luôn; đồng thời, chặn liên lạc với cả hai người đến nay.

Ông Q với bà M khẳng định cá nhân ông Q không còn nợ anh H, thậm chí còn trả thừa tiền lãi 6.800.000 đồng vì thỏa thuận mượn tiền không có lãi; bà M chỉ còn nợ anh H tiền lãi là 12 triệu đồng, trừ đi số tiền lãi ông Q trả thừa thì chỉ còn 5.200.000 đồng (Năm triệu hai trăm ngàn đồng), nếu anh H không đồng ý trừ tiền phần ông Q trả thừa thì bà M cũng xác định còn nợ 12 triệu đồng theo Hợp đồng vay.

Do anh H chặn liên lạc, bà M đã nhiều lần yêu cầu cơ quan Công an giải quyết nhưng chưa có kết quả. Nay, ông Q với bà M đều không đồng ý với yêu cầu của anh H, chỉ chấp nhận thanh toán theo từng khoản vay riêng sau khi khấu trừ tiền lãi đã trả vượt quy định của pháp luật.

Về tài liệu, chứng cứ là F ghi âm và văn bản kèm theo do anh H giao nộp, ông Q với bà M đều thừa nhận là chính xác nên không yêu cầu giám định nội dung gì.

Cùng với những lời trình bày như trên, phía bị đơn giao nộp tài liệu, chứng cứ gồm: Đơn xin xác nhận hộ nằm trong áp nghèo; bản sao các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và Văn bản hủy bỏ hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C (Bút lục 23-28).

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên Toà án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ đưa vụ án ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số: 120/2026/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ đã tuyên như sau:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Quốc H đối với ông Trần Q về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, được xác lập bằng Tờ cam kết ngày 15/9/2024.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Quốc H đối với ông Trần Q và bà Thạch Thị Xuân M về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, xác lập bằng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25/7/2023

và bằng lời nói vào tháng 10 với tháng 11/2023. Buộc anh H có nghĩa vụ trả bà M tiền lãi đã trả vượt là 139.210.598 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu hai trăm mười ngàn năm trăm chín mươi tám đồng). Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, anh H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền và bà M có yêu cầu thi hành án thì anh H phải trả tiền lãi theo lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

3. Kiến nghị Công an phường P, thành phố Cần Thơ xem xét, giải quyết hành vi có dấu hiệu trái pháp luật về hoạt động cho vay và chiếm đoạt tài sản (Yêu cầu trả 50 triệu đồng mới rút đơn gửi Trường học và trả lại Thẻ đảng viên, nhận nợ 100 triệu đồng mới đồng ý hủy hợp đồng giả cách về chuyển nhượng quyền sử dụng đất) xảy ra trên địa bàn bắt đầu từ tháng 7/2023 nêu trên, theo quy định của pháp luật.

4. Kiến nghị Văn phòng C kiểm tra, khắc phục việc đã công chứng hợp đồng giả cách về chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo các hợp đồng, văn bản nêu trên theo quy định của pháp luật về công chứng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, nguyên đơn có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn không đồng ý yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

- Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời khai tại phiên tòa của các đương sự cho thấy cấp sơ thẩm đã có những thiếu sót trong việc đánh giá chứng cứ, không thu thập đầy đủ chứng cứ cần thiết, giải quyết vượt quá phạm vi yêu cầu của đương sự và nhận định những vấn đề chưa được chứng minh bằng chứng cứ hợp pháp. Các vi phạm này không thể khắc phục tại cấp phúc thẩm vì cần phải tiến hành xác minh, thu thập thêm chứng cứ, làm rõ người được cho là nhận số tiền 292.000.000 đồng thay nguyên đơn, làm rõ việc có hay không yêu cầu phản tố hợp lệ của bị đơn, đồng thời xem xét việc trưng cầu giám định đối với 02 biên nhận ngày 01/11/2023 trước khi

đánh giá giá trị chứng minh của các tài liệu này. Do đó, có căn cứ xác định bản án sơ thẩm chưa làm rõ đầy đủ nội dung vụ án, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và việc đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, dẫn đến kết luận không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án.. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 của BLTTDS năm 2015 hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 120/2026/DS-ST ngày 30/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9, thành phố Cần Thơ và giao hồ sơ cho Tòa án khu vực 9 – Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác.

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay và lãi suất nhưng phía bị đơn không đồng ý nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là phù hợp.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, phía nguyên đơn có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền vốn vay còn nợ lại với số tiền 208.000.000 đồng (Hai trăm lẻ tám triệu đồng) và tiền lãi suất 69.000.000 đồng (đến ngày 30/3/2026). Nguyên đơn căn cứ vào biên nhận mượn tiền ngày 01/11/2023 (bút lục 50), theo biên nhận này thì bà M ký mượn của H số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), mục đích mượn là sang đất và cam kết 07 ngày sẽ trả H. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà M đã trả được vài lần và tiếp tục không trả nợ từ ngày 26/7/2024. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà M trả số tiền còn nợ là lại với số tiền 208.000.000 đồng (Hai trăm lẻ tám triệu đồng) và tiền lãi suất 69.000.000 đồng (đến ngày 30/3/2026). Phía bị đơn thừa nhận có ký biên nhận mượn tiền ngày 01/11/2023. Số tiền bà M vay của H không phải 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), chỉ có vay số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) cụ thể lần vay thứ nhất vào ngày 25/7/2023, bà M vay của H số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), nhưng H chỉ giao cho M 270.000.000 đồng (giữ lại 30.000.000 đồng để trừ lãi suất 2 tháng). Để đảm bảo cho khoản vay này, bà M phải ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông H vào ngày 25/7/2023. Sau đó, bà M có đến nhà H nhưng không có H ở nhà, bà M điện thoại hỏi vay của H số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), H đồng ý và vợ của H chuyển vào tài khoản của bà M 25.000.000 đồng do trừ tiền lãi suất còn nợ. Đến ngày 01/11/2023 các bên lập văn bản hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng với H, xác lập lại Biên nhận mới vào ngày 01/11/2023 với số tiền vay ban đầu 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), cộng với tiền mượn thêm của H 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và H yêu cầu phải ký nhận thêm 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) tiền lãi, tổng cộng bị đơn ký biên nhận nợ H là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi

triệu đồng). Bà M xác định chỉ nhận số tiền vốn vay từ H là 295.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi lăm triệu đồng), bà M đã trả cho H số tiền chỉ còn nợ lại số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Bị đơn bà M cho rằng vào ngày 25/7/2023, bà M vay của H số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), nhưng H chỉ giao cho M 270.000.000 đồng (giữ lại 30.000.000 đồng để trừ lãi suất 2 tháng). Để đảm bảo cho khoản vay này, bà M phải ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho H vào ngày 25/7/2023 với giá chuyển nhượng là 300.000.000 đồng. Tại phiên tòa, H khẳng định ngày 25/7/2023 H giao cho bà M đủ số tiền vay 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), phía bà M cho rằng việc H giao cho bà M số tiền 270.000.000 đồng, H giữ lại 30.000.000 đồng để trừ lãi suất 2 tháng thì bà M không cung cấp được chứng cứ, nhưng cấp sơ thẩm chấp nhận lời trình bày của bà M xác định số vay là 270.000.000 đồng là chưa có cơ sở thuyết phục.

[4.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M cho rằng vào tháng 10 năm 2023, bà M mượn H số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tại nhà của H, có mặt của vợ H tham gia thỏa thuận, sau đó H lấy điện thoại của vợ H chuyển khoản cho bị đơn bà M mượn số tiền này, nhưng vợ H chỉ chuyển khoản cho bị đơn số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng). Do có mâu thuẫn trong lời khai của bà M và ông H về số tiền cho vay, đồng thời việc xác lập giao dịch này có sự tham gia của vợ H. Vì vậy cần thu thập thêm chứng cứ để làm sáng tỏ chủ thể cho vay là ai và bị đơn bà M đã nhận được số tiền vay là bao nhiêu.

[4.3] Về số tiền bà M đã trả cho ông H, bà M cho rằng sau khi vay Ngân hàng, ông Q đã trả cho H số tiền 292.000.000 đồng thông qua người em của ông H tại quán C1. Tuy nhiên, lời trình bày này phía ông H thừa nhận chỉ nhận được số tiền 220.000.000 đồng. Xét thấy, cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của bị đơn để cho rằng có việc bị đơn trả cho H số tiền 292.000.000 đồng mà không xác minh người được cho là "em của anh H" là ai, có mối quan hệ như thế nào với nguyên đơn, không tiến hành lấy lời khai của người này, cũng không thu thập dữ liệu cuộc gọi, tin nhắn, hình ảnh, dữ liệu Zalo hoặc các tài liệu khác có liên quan.

[4.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà M cho rằng, sau ngày trả cho H 292.000.000 đồng, bà M đến nhà ông H để chốt nợ 158.000.000 đồng, sau khi chốt nợ bà M đã trả cho ông H được 146.000.000 đồng còn nợ lại 12.000.000 đồng, các lần trả nợ có lần trả tiền mặt cho H, có lần chuyển khoản và trả cho người em của H. Lời khai nhận này phía ông H không thừa nhận. Như vậy, theo lời khai của bà M thì quá trình trả tiền cho ông H, có vài lần bà M có chuyển khoản trả cho H từ tài khoản cá nhân của bà M đến tài khoản của ông H và trả trực tiếp cho người em của ông H. Tuy nhiên, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ không có bản sao kê tài khoản của bà M liên quan đến việc chuyển trả đến tài khoản của ông H nên cần phải làm rõ các tình tiết này.

[4.5] Nguyên đơn kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm quyết định về phần Kiến nghị Công an phường P, thành phố Cần Thơ xem xét, giải quyết hành vi có dấu hiệu trái pháp luật về hoạt động cho vay và chiếm đoạt tài sản (Yêu cầu trả 50 triệu đồng mới rút đơn gửi Trường học và trả lại Thẻ đảng viên, nhận nợ 100 triệu đồng mới đồng ý hủy hợp đồng giả cách về chuyển nhượng quyền sử dụng đất) xảy ra trên địa bàn bắt đầu từ tháng 7/2023 nêu trên, theo quy định của pháp luật là không đúng. Thấy rằng, về việc nguyên đơn yêu cầu trả 50.000.000 đồng mới rút đơn gửi Trường học và trả lại Thẻ đảng viên, nhận nợ 100 triệu đồng mới đồng ý hủy hợp đồng giả cách về chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì đây chỉ là lời trình bày của phía bị đơn, phía nguyên đơn không thừa nhận nhưng cấp sơ thẩm đã chấp nhận lời trình bày của bị đơn là không phù.

[5] Từ những phân tích trên, xét thấy cần phải thu thập đầy đủ chứng cứ chứng minh số tiền bà M đã trả cho ông H thông qua việc chuyển khoản từ tài khoản của bà M đến tài khoản của ông H, cũng như cần làm rõ người nhận số tiền tại quán C1 là ai? đã nhận bao nhiêu tiền từ bà M. Mặt khác, việc ông H cho bà M vay tiền có sự tham gia của vợ ông H và tại phiên tòa H trình bày rằng số tiền cho vay là tài sản chung của vợ chồng nên phải đưa vợ H tham gia tố tụng với tư cách người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Ngoài ra, bản án sơ thẩm đã kiến nghị Công an phường P, thành phố Cần Thơ xem xét, giải quyết hành vi có dấu hiệu trái pháp luật về hoạt động cho vay và chiếm đoạt tài sản là chưa phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn cũng như đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là phù hợp nên Hội đồng xét xử quyết định hủy 01 phần bản án dân sự sơ thẩm số 120/2026/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ (giữ nguyên phần đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông H đối ông Q về Tờ cam kết ngày 15/2024 do không có kháng cáo, kháng nghị) và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[6] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ trình bày tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm theo khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Quốc H.

1. Hủy 01 phần bản án dân sự sơ thẩm số 120/2026/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chưa giải quyết.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn được nhận lại 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007026 ngày 14/4/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Cần Thơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 9 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 9 - Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Tuyết Mai